

I/ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA.

Tên Chủ đề (nội dung, chương...)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng cấp độ thấp	Vận dụng cấp độ cao	Cộng
1/ Các loại góc của đường tròn	Vẽ hình	Nắm được tính chất hệ quả để tính số đo góc	Biết vận dụng tính chất hệ quả để chứng minh đẳng thức tích	Vận dụng chứng minh 3 điểm thẳng hàng	
Số câu		1	1	1	3
Số điểm	0,5	1	1	1	3,5
Tỉ lệ %	5	10	10	10	35%
2/ Tứ giác nội tiếp		Nắm được dấu hiệu nhận biết tứ giác nội tiếp	Biết vận dụng tính chất của tứ giác nội tiếp để chứng minh bài toán .		
Số câu		1	1		2
Số điểm		1,5	1,5		3,0
Tỉ lệ %		15	15		30 %
3/ Độ dài đường tròn , cung tròn , diện tích hình tròn, hình quạt	Vẽ hình	Biết được công thức tính độ dài đường tròn, diện tích hình tròn	Biết cách tính độ dài cung tròn, diện tích hình quạt tròn		
Số câu		1	2		3

Số điểm Tỉ lệ %	0,5 5	1,5 15	1,5 15		3,5 35 %
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %	1 10	3 40	4 40	1 10	

Họ và
tên:.....
Lớp: 9

Kiểm tra 45'
Môn Hình học 9

Ngày KT: 29/03/2014

Điểm	Lời phê của thầy giáo

Đề bài

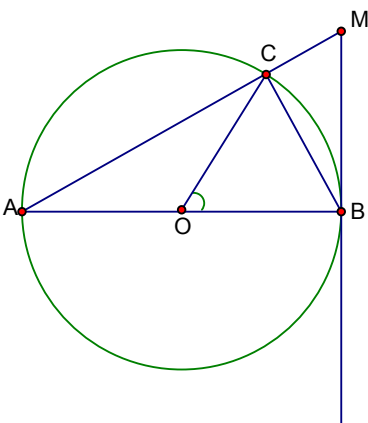
Bài 1. (4,5 điểm) Cho (O) đường kính $AB = 6\text{cm}$. Trên nửa đường tròn lấy điểm C sao cho $\widehat{BOC} = 60^\circ$.

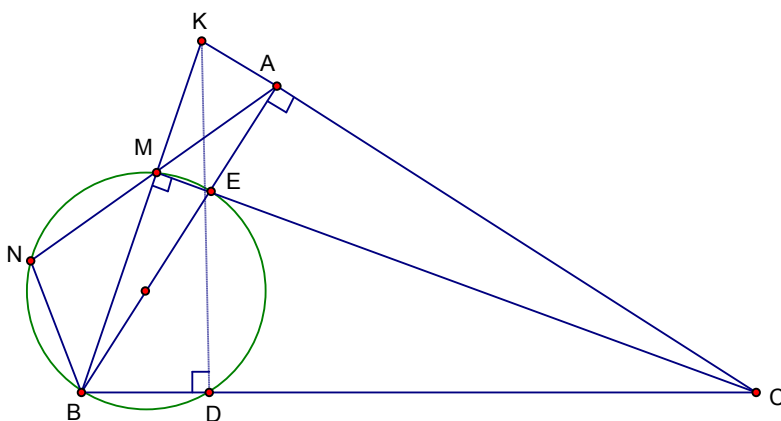
- Tính độ dài đường tròn và diện tích hình tròn
- Tính độ dài cung nhỏ BC
- Tính diện tích hình quạt tròn AOC
- Qua B vẽ tiếp tuyến với đường tròn cắt AC tại M. Chứng minh $BM^2 = MA \cdot MC$

Bài 2. (5,5 điểm) Cho tam giác ABC vuông tại A. Lấy điểm E nằm trên cạnh AB và vẽ đường tròn đường kính EB cắt BC tại D. Đường thẳng CE cắt đường tròn tại M, AM cắt đường tròn tại N.

- Chứng minh $ED \perp BC$
- Chứng minh rằng: ACBM là tứ giác nội tiếp.
- Chứng minh rằng BA là tia phân giác góc CBN.
- Gọi K là giao điểm của AC và BM. Chứng minh: $KD \perp BC$

ĐÁP ÁN BIỂU ĐIỂM
KIỂM TRA CHƯƠNG III HÌNH HỌC LỚP 9

	Đáp án	Điểm
Bài 1 (4,5đ)		0,5 đ
	a) Độ dài đường tròn: $C = 2\pi R = 2\pi \cdot 3 = 6\pi$ (cm) Diện tích hình tròn: $S = \pi R^2 = \pi \cdot 3^2 = 9\pi$ (cm ²)	0,75đ 0,75đ
	b) Độ dài cung BC nhỏ: $l_{\widehat{AB}} = \frac{\pi \cdot R \cdot n}{180} = \frac{\pi \cdot 3 \cdot 60}{180} = \pi$ (cm)	0,75đ
	c) Diện tích hình quạt: $= S_{\text{quạt AOC}} = \frac{\pi \cdot R^2 \cdot n}{360} = \frac{\pi \cdot 3^2 \cdot 120}{360} = 3\pi$ (cm ²)	0,75đ
	d) Xét $\triangle BMC$ và $\triangle BMA$ có: $\widehat{BAM} = \widehat{CBM}$ (Góc n.tiếp và góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây...) \widehat{M} : góc chung $\Rightarrow \triangle BMC$ và $\triangle AMB$ (g.g) $\Rightarrow \frac{MB}{MA} = \frac{MC}{MB} \Rightarrow MB^2 = MA \cdot MC$	0,5đ 0,5đ
Bài 2 (5,5 đ)		0,5đ



a) Ta có: $\widehat{BDE} = 90^\circ$ (Góc nội tiếp chắn nửa đường tròn)
 $\Rightarrow ED \perp BC$

b/ Tứ giác ACBM có:

$\widehat{BAC} = 90^\circ$ (ΔABC vuông tại A)

$\widehat{BMC} = 90^\circ$ (góc nội tiếp chắn nửa đường tròn đường kính EB)

Suy ra tứ giác ACBM nội tiếp đường tròn đường kính BC

c/

Tứ giác BNME nội tiếp trong đường tròn đường kính BE nên:

$\widehat{ABN} = \widehat{AME}$ (cùng bù với góc NME)

Mà $\widehat{AME} = \widehat{ABC}$ (góc nội tiếp cùng chắn cung AC)

Nên $\widehat{ABN} = \widehat{ABC}$

$\Rightarrow BA$ là tia phân giác của góc CBN.

d/

• ΔKBC có hai đường cao BA và CM cắt nhau tại E

$\Rightarrow E$ là trực tâm tam giác KBC

$\Rightarrow KE \perp BC$ (1)

• $\widehat{EDB} = 90^\circ$ (góc nội tiếp chắn nửa đường tròn)

$\Rightarrow ED \perp BC$ (2)

(1) và (2) \Rightarrow ba điểm K, E, D thẳng hàng và $KD \perp BC$

0,5đ

0,5đ

0,5đ

0,5đ

0,5đ

0,5đ

0,5đ

0,5đ

0,5đ

0,5đ